

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1008 /STC-CS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2022

Về việc báo cáo thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 theo yêu cầu của Đoàn giám sát Quốc hội (văn bản nhắc)

KHẨN

Kính gửi:

- Các Sở - ban - ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện;
- Tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố;
- Doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố quản lý.

(Chi tiết theo danh sách đính kèm)

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 1003/VP-KT ngày 11/02/2022 (kèm Công văn số 745/BTC-QLCS ngày 21/01/2022 của Bộ Tài chính về đơn đốc báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 theo yêu cầu của Đoàn giám sát Quốc hội): *đề nghị Sở Tài chính khẩn trương thực hiện yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 745/BTC-QLCS và chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Phan Thị Thắng tại Công văn số 7882/VP-KT nêu trên.*

Theo Công văn số 745/BTC-QLCS ngày 21/01/2022, Bộ Tài chính đề nghị khẩn trương thực hiện các nội dung nêu tại Công văn số 14865/BTC-QLCS ngày 27/12/2021 của Bộ Tài chính và gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) trước ngày 25/01/2022 để tổng hợp, xây dựng báo cáo theo Kế hoạch giám sát;

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Ngày 27/12/2021, Bộ Tài chính có Công văn số 14865/BTC-QLCS về việc báo cáo thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 theo yêu cầu của Đoàn giám sát Quốc hội (kèm Khung Đề cương Báo cáo về việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021); theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo đầy đủ tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 20/01/2022 để tổng hợp, xây dựng báo cáo theo Kế hoạch giám sát.

Ngày 07/01/2022, Sở Tài chính đã có Công văn số 98/STC-CS đề nghị Thủ trưởng quý cơ quan, đơn vị báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 theo Đề cương chi tiết đính kèm và gửi về Sở Tài chính **trước ngày 18/01/2022** để tổng hợp.

Tuy nhiên đến nay, Sở Tài chính chỉ mới nhận được báo cáo của 14/36 khối Sở ban ngành và tổ chức chính trị xã hội thuộc Thành phố; 03/22 khối UBND thành phố Thủ Đức, UBND quận – huyện và 24/54 khối Doanh nghiệp.

Mặt khác, qua rà soát các Báo cáo đã nhận, Sở Tài chính nhận thấy có một số Báo cáo chưa thể hiện đầy đủ các nội dung theo Đề cương đã đề nghị nên Sở Tài chính gặp khó khăn trong việc tổng hợp. Do đó, đối với các trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị xét thấy không có nội dung để báo cáo tương ứng với các mục trong Đề cương thì ghi “*không phát sinh*” hoặc “*không có nội dung báo cáo*”.

Để có cơ sở tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có báo cáo gửi Bộ Tài chính; Sở Tài chính đề nghị Thủ trưởng quý cơ quan, tổ chức, đơn vị (theo danh sách đính kèm) khẩn trương có báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 98/STC-CS ngày 07/01/2022 và gửi về Sở Tài chính **trước ngày 25/02/2022** để tổng hợp.

Đề nghị Quý cơ quan, tổ chức, đơn vị quan tâm, thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBNDTP (để b/c);
- GD, PGD/k;
- Lưu: VP-CS (L).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trần Phú

DANH SÁCH
CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐÃ VÀ CHƯA GỬI BÁO CÁO THEO ĐỀ NGHỊ
CỦA SỞ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG VĂN SỐ 98/STC-CS NGÀY 07/01/2022
(Đính kèm Công văn số 1008 /STC-CS ngày 21 tháng 1 năm 2022 của Sở Tài chính)

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Ghi chú	
		Đã gửi báo cáo	Chưa gửi báo cáo
Khối Sở Ban Ngành, Tổ chức chính trị Thành phố		14	36
1	Văn phòng UBND thành phố		X
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố		X
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X
4	Sở Xây dựng		X
5	Sở Tài nguyên và Môi trường		X
6	Sở Giao thông Vận tải		X
7	Sở Khoa học và Công nghệ		X
8	Sở Công Thương		X
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư		X
10	Sở Tư pháp		X
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội		X
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	X	
13	Sở Y tế		X
14	Sở Văn hóa và Thể thao		X
15	Sở Du lịch		X
16	Sở Quy hoạch Kiến trúc		X
17	Sở Nội vụ		X
18	Sở Thông tin và Truyền thông		X
19	Sở Tài chính		X
20	Học viện Cán bộ thành phố		X
21	Viện nghiên cứu phát triển		X
22	Thanh tra thành phố		X
23	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	X	
24	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư		X
25	Đài tiếng nói nhân dân Thành phố	Báo cáo chưa thể hiện đầy đủ các nội dung theo Đề cương	
26	Đài truyền hình Thành phố	X	
27	Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố		X
28	Ban dân tộc Thành phố	X	
29	BQL An toàn thực phẩm Thành phố	X	
30	BQL ĐTXD Khu đô thị Mới Nam Thành phố		X
31	BQL ĐTXD Khu đô thị Mới Thủ Thiêm Thành phố		X
32	BQL Khu Công nghệ cao		X



STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Ghi chú	
		Đã gửi báo cáo	Chưa gửi báo cáo
33	BQL Khu Nông nghiệp Công nghệ cao	Báo cáo chưa thể hiện đầy đủ các nội dung theo Đề cương	
34	BQL ĐTXD Khu đô thị Tây Bắc	X	
35	BQL Khu công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc Thành phố		X
36	BQL Đường sắt đô thị	X	
37	BQL các Khu chế xuất và khu công nghiệp Thành phố		X
38	Ban An toàn giao thông Thành phố	X	
39	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp		X
40	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông		X
41	BQL dự án ĐTXD Hạ tầng đô thị		X
42	Trường Đại học Sài Gòn	Báo cáo chưa thể hiện đầy đủ các nội dung theo Đề cương	
43	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch		X
44	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải		X
45	Lực lượng Thanh niên xung phong	X	
46	Thành đoàn TNCS Hồ Chí Minh		X
47	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam Thành phố		X
48	Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố	Báo cáo chưa thể hiện đầy đủ các nội dung theo Đề cương	
49	Hội Cựu chiến binh Thành phố		X
50	Hội Nông dân Thành phố	X	
Khối UBND thành phố Thủ Đức và UBND các quận huyện		3	19
1	UBND thành phố Thủ Đức		X
2	UBND Quận 1	X	
3	UBND Quận 3		X
4	UBND Quận 4		X
5	UBND Quận 5		X
6	UBND Quận 6		X
7	UBND Quận 7		X
8	UBND Quận 8		X
9	UBND Quận 10		X
10	UBND Quận 11	X	
11	UBND Quận 12		X
12	UBND Quận Phú Nhuận		X
13	UBND Quận Bình Tân	X	
14	UBND Quận Tân Phú		X
15	UBND Quận Tân Bình		X
16	UBND Quận Bình Thạnh		X
17	UBND Quận Gò Vấp		X

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Ghi chú	
		Đã gửi báo cáo	Chưa gửi báo cáo
18	UBND Huyện Nhà Bè		X
19	UBND Huyện Cần Giờ		X
20	UBND Huyện Hóc Môn		X
21	UBND Huyện Củ Chi		X
22	UBND Huyện Bình Chánh		X
<i>Khối Doanh nghiệp</i>		24	30
1	Tổng Cty TNHH MTV Nông Nghiệp Sài Gòn	X	
2	Tổng Cty TNHH MTV Bến Thành	X	
3	Tổng Cty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn		X
4	Tổng Cty TNHH MTV Cấp nước Sài Gòn		X
5	Tổng Cty TNHH MTV Cơ khí giao thông vận tải (Samco)		X
6	Tổng Cty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn	X	
7	Tổng Cty TNHH MTV Xây dựng Sài Gòn		X
8	Tổng Cty TNHH MTV Du lịch Sài Gòn	X	
9	Tổng Cty TNHH MTV Văn hóa Sài Gòn	X	
10	Tổng Cty TNHH MTV Liksin	X	
11	Tổng Cty TNHH MTV Công nghiệp Sài Gòn	X	
12	Công ty TNHH MTV XNK Đầu tư Chợ lớn (Cholimex)		X
13	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn SJC		X
14	Công ty TNHH MTV Dược thành phố		X
15	Công ty Đầu tư tài chính nhà nước TP	X	
16	Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận		X
17	Công ty TNHH MTV Dệt may Gia Định		X
18	Công ty TNHH MTV 27/7	X	
19	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Thanh niên Xung phong		X
20	Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi	X	
21	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao		X
22	Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	X	
23	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị thành phố		X
24	Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị thành phố	X	

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Ghi chú	
		Đã gửi báo cáo	Chưa gửi báo cáo
25	Công ty TNHH MTV Thảo Cầm viên Sài Gòn thành phố		X
26	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia		X
27	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh thành phố	X	
28	Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà thành phố		X
29	Công ty TNHH Một thành viên Xô số Kiến thiết thành phố		X
30	Công ty TNHH MTV Chiếu sáng công cộng thành phố		X
31	Công ty TNHH Một thành viên Công trình cầu phà thành phố		X
32	Công ty TNHH MTV Công trình giao thông thành phố		X
33	Công ty TNHH MTV DVCI quận 1		X
34	Công ty TNHH MTV DVCI quận 2	X	
35	Công ty TNHH MTV DVCI quận 3	X	
36	Công ty TNHH MTV DVCI quận 4		X
37	Công ty TNHH MTV DVCI quận 5		X
38	Công ty TNHH MTV DVCI quận 6	X	
39	Công ty TNHH MTV DVCI quận 7		X
40	Công ty TNHH MTV DVCI quận 8	X	
41	Công ty TNHH MTV DVCI quận 9		X
42	Công ty TNHH MTV DVCI quận 10	X	
43	Công ty TNHH MTV DVCI quận 11	X	
44	Công ty TNHH MTV DVCI quận 12	X	
45	Công ty TNHH MTV DVCI quận Phú Nhuận		X
46	Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình	X	
47	Công ty TNHH MTV DVCI quận Bình Thạnh		X
48	Công ty TNHH MTV DVCI huyện Bình Chánh	X	
49	Công ty TNHH MTV DVCI thành phố Thủ Đức		X
50	Công ty TNHH MTV DVCI quận Gò Vấp		X
51	Công ty TNHH MTV DVCI Huyện Nhà Bè	X	
52	Công ty TNHH MTV DVCI Huyện Cần Giờ		X
53	Công ty TNHH MTV DVCI Huyện Hóc Môn	X	
54	Công ty TNHH MTV DVCI Huyện Củ Chi		X

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 98 /STC-CS

Về việc báo cáo thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 theo yêu cầu của Đoàn giám sát Quốc hội



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở - ban - ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện;
- Tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố;
- Doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố quản lý.

Tiếp nhận Công văn số 14865/BTC-QLCS ngày 27/12/2021 của Bộ Tài chính về việc báo cáo thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 theo yêu cầu của Đoàn giám sát Quốc hội (kèm Khung Đề cương Báo cáo về việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021); theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo đầy đủ tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 20/01/2022 để tổng hợp, xây dựng báo cáo theo Kế hoạch giám sát;

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Để có cơ sở tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có báo cáo gửi Bộ Tài chính; Sở Tài chính đề nghị Thủ trưởng quý cơ quan, đơn vị báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 theo Đề cương chi tiết đính kèm và gửi về Sở Tài chính **trước ngày 18/01/2022** để tổng hợp.

Đề nghị Quý cơ quan, tổ chức, đơn vị quan tâm, thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBNDTP (để b/c);
- GD, PGD/k;
- Lưu: VP-CS (L).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trần Phú



ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THỰC
HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
TÀI SẢN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Đính kèm Công văn số 98 /STC-QLCS ngày 01 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính)

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THTK, CLP TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

I. Tình hình triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành

1. Về việc phổ biến, tập huấn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

- Không tổ chức ☐

- Có tổ chức ☐

(Nêu rõ các hình thức thực hiện, đối tượng phổ biến, tập huấn)

2. Về việc rà soát để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

- Chưa rà soát ☐

- Đã rà soát ☐

+ Số lượng văn bản quy phạm pháp luật do địa phương đã ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công: văn bản.

+ Số lượng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế: văn bản.

- Đã ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế ☐

(Nêu rõ số lượng văn bản đã ban hành, số, ngày, trích yếu của từng văn bản)

3. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP (chỉ áp dụng cho Sở Khoa học và Công nghệ):

- Đã ban hành ☐

(Nêu số, ngày, trích yếu văn bản quy định)

- Chưa ban hành ☐

(Nêu rõ tiến độ đã thực hiện: Chưa thực hiện; Đang xây dựng dự thảo; Đang xin ý kiến tham gia; Đang trình cấp có thẩm quyền....)

4. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP (chỉ áp dụng cho Sở Giao thông vận tải):

- Đã ban hành ☐

(Nêu số, ngày, trích yếu văn bản quy định)



- Chưa ban hành ☐

(Nêu rõ tiến độ đã thực hiện: Chưa thực hiện; Đang xây dựng dự thảo; Đang xin ý kiến tham gia; Đang trình cấp có thẩm quyền....)

5. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP (chỉ áp dụng cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn):

- Đã ban hành ☐

(Nêu số, ngày, trích yếu văn bản quy định)

- Chưa ban hành ☐

(Nêu rõ tiến độ đã thực hiện: Chưa thực hiện; Đang xây dựng dự thảo; Đang xin ý kiến tham gia; Đang trình cấp có thẩm quyền....)

6. Về việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa hiện có thuộc phạm vi quản lý của địa phương để thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP (chỉ áp dụng cho Sở Giao thông Vận tải):

- Đã thực hiện ☐

(Nêu rõ kết quả thực hiện)

- Chưa thực hiện ☐

(Nêu rõ lý do chưa thực hiện)

7. Về việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện có thuộc phạm vi quản lý của địa phương để thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP (chỉ áp dụng cho Sở Giao thông Vận tải, UBND thành phố Thủ Đức, UBND các quận huyện):

- Đã thực hiện ☐

(Nêu rõ kết quả thực hiện)

- Chưa thực hiện ☐

(Nêu rõ lý do chưa thực hiện)

II. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước

1. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm quyền, quy trình, thủ tục, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước.

2. Việc ban hành và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước.

2.1. Việc ban hành các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc,

phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước.

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

(Nêu rõ số lượng văn bản đã ban hành, số, ngày, trích yếu của từng văn bản; nếu chưa ban hành, ghi rõ lý do)

2.2. Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước:

Báo cáo theo Phụ lục A đính kèm.

3. Tình hình mua sắm phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước:

Báo cáo theo Phụ lục B đính kèm.

4. Tình hình bán, thanh lý tài sản là phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Báo cáo theo Phụ lục C đính kèm.

III. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình công cộng

1. Tuân thủ các quy định về đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ, quy trình, thủ tục, thẩm quyền xem xét, quyết định trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình phúc lợi công cộng.

2. Việc ban hành các mục tiêu, tiêu chí THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà đất công vụ; công trình phúc lợi công cộng.

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

(Nêu rõ số lượng văn bản đã ban hành, số, ngày, trích yếu của từng văn bản; nếu chưa ban hành, ghi rõ lý do)

3. Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình phúc lợi công cộng

Báo cáo theo Phụ lục D đính kèm.

4. Việc đầu tư xây dựng khu hành chính tập trung

STT	Tên khu hành chính tập trung (địa chỉ)	Năm xây dựng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguồn vốn xây dựng (triệu đồng)		
					Tổng vốn đầu tư	Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn khác

IV. THTK, CLP trong sắp xếp lại, xử lý tài sản công

1. Tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà đất

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số cơ sở nhà đất được phê duyệt phương án sắp xếp						
Tổng diện tích đất (m ²)						
Tổng diện tích nhà (m ²)						

- Chi tiết kết quả phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất:

Báo cáo theo Phụ lục 1 đính kèm.

- Tình hình bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Báo cáo theo Phụ lục 2 đính kèm.

- Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất:

Báo cáo theo Phụ lục 3 đính kèm

2. Tình hình sắp xếp lại, xử lý xe ô tô:

2.1. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Loại xe ô tô	TCĐM theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg	Số lượng tại thời điểm 01/01/2016	Số xe ô tô thừa/thiếu so với TCĐM	Số lượng xe ô tô dôi dư đã xử lý từ 01/01/2016 đến 31/12/2018				Số tiền thu được từ xử lý xe ô tô dôi dư
				Bán, thanh lý	Điều chuyển	Thu hồi	Khác	
Xe ô tô chức danh								
Xe ô tô phục vụ công tác chung								
Xe ô tô chuyên dùng								

2.2. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ

Loại xe ô tô	TCĐM theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP	Số lượng tại thời điểm 01/01/2019	Số xe ô tô thừa/thiếu so với TCĐM	Số lượng xe ô tô dôi dư đã xử lý từ 01/01/2019 đến 31/12/2021				Số tiền thu được từ xử lý xe ô tô dôi dư
				Bán, thanh lý	Điều chuyển	Thu hồi	Khác	
Xe ô tô chức danh								
Xe ô tô phục vụ công tác chung								
Xe ô tô chuyên dùng								

3. Đánh giá việc tổ chức xử lý tài sản công:

- Việc tổ chức xử lý bảo đảm đúng pháp luật, công khai, minh bạch không? Có lãng phí, thất thoát tài sản công không?
- Việc đấu giá khi bán, chuyển nhượng tài sản công.
- Các trường hợp sai phạm, thất thoát trong tổ chức xử lý tài sản công được phát hiện thông qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra.

V. THPT, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng

Báo cáo theo Phụ lục 4 đính kèm.

V. THPT, CLP trong xử lý tài sản các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc

1. Tổng số dự án sử dụng vốn nhà nước kết thúc trong giai đoạn 2016-2021: ... dự án, trong đó:

- Số dự án đã hoàn thành việc xử lý tài sản: dự án
- Số dự án chưa hoàn thành việc xử lý tài sản: dự án.

2. Tình hình xử lý tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước kết thúc giai đoạn 2016-2021

Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m ² , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*
	Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác	
Dự án 1				
- Nhà, đất:				
+ Đất (m ²)				
+ Nhà (m ²)				

Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m ² , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*
	Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác	
- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)				
- Tài sản khác (tài sản)				
Dự án 2				
- Nhà, đất:				
+ Đất (m ²)				
+ Nhà (m ²)				
- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)				
- Tài sản khác (tài sản)				
Dự án 3				
....				

Ghi chú: (*) Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc là số tiền nộp NSNN (sau khi đã trừ đi chi phí liên quan đến xử lý tài sản)

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Các tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân của các kết quả đạt được, các ưu điểm.

3.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, khuyết điểm.

4. Bài học kinh nghiệm

C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM, YÊU CẦU CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG MUA SẮM, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ LÀM VIỆC, PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Đính kèm Công văn số ...98...../STC-CS ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính)

Phụ lục A

STT	Chỉ tiêu (Theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Cắt giảm hoặc đình hoãn các kế hoạch mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực sự cần thiết, không đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật hiện hành												
2	Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản, ứng dụng công nghệ thông tin												
3	Phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc được thu hồi do sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hoặc không sử dụng												
4	Các chỉ tiêu khác do địa phương ban hành												

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

TÌNH HÌNH MUA SẮM PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ LÀM VIỆC, PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Đính kèm Công văn số ...98.../STC-CS ngày ..07 tháng ..01.. năm 2022 của Sở Tài chính)

Phụ lục B

STT	Loại tài sản	Tài sản hiện có tại thời điểm ngày 01/01/2016		Mua sắm Năm 2016		Mua sắm Năm 2017		Mua sắm Năm 2018		Mua sắm Năm 2019		Mua sắm Năm 2020		Mua sắm Năm 2021	
		Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá
1	Xe ô tô														
	Xe ô tô phục vụ công tác chức danh														
	Xe ô tô phục vụ công tác chung														
	Xe ô tô chuyên dùng														
2	Phương tiện đi lại khác														
3	Máy móc, thiết bị làm việc														
4	Phương tiện thông tin liên lạc														

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

TÌNH HÌNH BÁN, THANH LÝ TÀI SẢN LÀ PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI, THIẾT BỊ LÀM VIỆC, PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Đính kèm Công văn số .../STC-CS ngày ... tháng ... năm 2022 của Sở Tài chính)

Phụ lục C

STT	Loại tài sản	Bán, thanh lý Năm 2016		Bán, thanh lý Năm 2017		Bán, thanh lý Năm 2018		Bán, thanh lý Năm 2019		Bán, thanh lý Năm 2020		Bán, thanh lý Năm 2021	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Xe ô tô												
	Xe ô tô phục vụ công tác chức danh												
	Xe ô tô phục vụ công tác chung												
	Xe ô tô chuyên dùng												
2	Phương tiện đi lại khác												
3	Máy móc, thiết bị làm việc												
4	Phương tiện thông tin liên lạc												

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU THTK, CLP TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP; CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Đính kèm Công văn số 98.../STC-CS ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính)

Phụ lục D

[illegible]

STT	Chỉ tiêu (Theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
5	Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu xây dựng công trình phúc lợi công cộng												
6	Công trình phúc lợi công cộng bị thu hồi do sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hoặc không sử dụng												
7	Các chỉ tiêu khác do địa phương ban hành												

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, XỬ LÝ NHÀ ĐẤT

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2021

(Đính kèm Công văn số 98.../STC-CS ngày 31 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài chính)

Phụ lục 1

S T T	Tên đơn vị	Tổng số cơ sở nhà đất đã phê duyệt			KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT																													
		Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi			Điều chuyển			Bán TS, chuyển nhượng đất			Chuyển mục đích sử dụng			Chuyển giao về địa phương			Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng			Sử dụng nhà, đất để thanh toán BT			Phương án xử lý khác					
					SL	Đất	Nhà	SL	Đất	Nhà	SL	Đất	Nhà	SL	Đất	Nhà	SL	Đất	Nhà	SL	Đất	Nhà	SL	Đất	Nhà	SL	Đất	Nhà	SL	Đất	Nhà	SL	Đất	Nhà
					Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)	Số cơ sở	Đất (m2)	Nhà (m2)
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32			
TỔNG CỘNG (=A + B)																																		
A	Khối HCSN																																	
I	Khối Thành phố (Sở, ban, ngành)																																	
1	...																																	
II	Thành phố Thủ Đức																																	
1	...																																	
III	Khối Quận - Huyện																																	
1	...																																	
B	Doanh nghiệp																																	
	...																																	

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Từ 01/01/2016 đến 31/12/2021)

(Đính kèm Công văn số 98/STC-CS ngày 7 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính)

Phụ lục 2

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

* **Lưu ý:** Thống kê toàn bộ các cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSD đất; Trường hợp sử dụng cơ sở nhà, đất để thanh toán các hợp đồng BT thì ghi rõ trong phần Ghi chú "Thanh toán Hợp đồng BT"

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 09/2009/QĐ-TTg, NGHỊ ĐỊNH SỐ 167/2017/NĐ-CP
(Từ 01/01/2016 đến 31/12/2021)

(Đính kèm Công văn số 98/STC-CS ngày 18. tháng 11. năm 2022 của Sở Tài chính)

Phụ lục 3

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà, đất	Diện tích		Mục đích sử dụng theo vb giao đất, cho thuê đất ban đầu	Văn bản phê duyệt phương án			Quyết định cho chuyển MĐSD			Kết quả thực hiện								Ghi chú	
		Đất (m2)	Nhà (m2)		Số	Ngày tháng năm	Mục đích sử dụng theo PA phê duyet sắp xếp lại, xử lý	Số	Ngày tháng năm	MĐSD	Đơn vị hợp tác		Tên dự án	Tên đơn vị thực hiện dự án	Thời gian hoàn thành	Tiến độ thực hiện đến 31/12/2021	Tổng số tiền phải nộp	Số đã nộp NSNN		Số còn phải nộp NSNN
											Tên, địa chỉ trụ sở	Họ tên người đại diện theo PL								
1	Tên đơn vị																			
	Địa chỉ nhà đất																			
	...																			
2	Tên đơn vị																			
	Địa chỉ nhà đất																			
	...																			

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

[illegible]

[illegible]

ST T	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/ Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/ Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/ Khai thác quỹ đất, mặt nước/ phương thức khác)					Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/ Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đấu giá/ Đấu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/ Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/ Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	
11	TSKCHT Văn hóa													
12	TSKCHT Thể thao													
13	TSKCHT Du lịch													
14	TSKCHT khác													

Ghi chú: Cột (3): Lấy theo Quyết toán được duyệt/ Tạm tính (giá trị đề nghị quyết toán; Biên bản nghiệm thu A-B; dự toán được duyệt)

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ